

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: “Thuê dịch vụ kiểm định bình khí nén, palang và thang máy”

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục mua sắm “Thuê dịch vụ kiểm định bình khí nén, palang và thang máy”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

✓ Yêu cầu đối với hàng hóa:

Stt	Tên, qui cách hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng
1	Kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy (< 10 tầng dừng)	Thiết bị	23
2	Kiểm định thang cuốn (9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m)	Thiết bị	33
3	Kiểm định Bình chịu áp lực (~2m ³)	Thiết bị	01
4	Kiểm định kỹ thuật Palang (Tải trọng 3 tấn)	Thiết bị	02
5	Chi phí đi lại kiểm định viên và chi phí vận chuyển thiết bị chuyên dụng	Trọn gói	01

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

✓ Yêu cầu đối với đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn đáp ứng các yêu cầu của pháp luật (Đính kèm hồ sơ năng lực chứng minh đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động).

✓ Yêu cầu về thời gian thực hiện và thanh toán:

- Thời gian, địa điểm thực hiện dịch vụ kiểm định: trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: đề nghị chào giá trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, chi phí thực hiện, chi phí cấp giấy chứng nhận và chi phí khác có liên quan. Đồng tiền

chào giá, thanh toán: VNĐ.

- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.

✓ **Thành phần hồ sơ chào giá:** báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
- Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.
 - Hồ sơ năng lực chứng minh đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

✓ **Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá:**

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày kể từ ngày 17/6/2022.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 17/6/2022.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
 - o Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3528.
- Người liên hệ: Ms Kim Ngân.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Cường

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02a

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

6
KI
N
HÀ
NG
T
H

Mẫu số 02b

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
VAT 10%						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

38
CÁI
TÔI
SỞ
VH T
HÀ
NÀ
-T

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

Stt	Tên thiết bị	Đvt	SL	Đặc tính kỹ thuật
1	Thang máy Mitsubishi-GPSIII P6-CO-60	Cái	1	Trọng tải: 450kg; số điểm dừng :07; vận tốc định mức m/s: 1,0
2	Thang máy Mitsubishi EVN - 3G51 Mitsubishi Elenessa - P14-CO-60MPM-2S/O-P7 E-XW-C5807	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
3	Thang máy Mitsubishi EVN - 3G53 Mitsubishi Elenessa - P21-2S-60MPM-4S/O-P9 E-XW-C5809	Cái	1	1600kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04
4	Thang máy Mitsubishi EVN - 2G41 Mitsubishi Elenessa - P14-CO-60MPM-2S/O-P3 E-XW-C5803	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
5	Thang máy Mitsubishi EVN - 2G42 Mitsubishi Elenessa - P14-CO-60MPM-4S/O-P4 E-XW-C5804	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04
6	Thang máy Mitsubishi EVN - 2G43 Mitsubishi Elenessa - P21-2S-60MPM-4S/O-P8 E-XW-C5808	Cái	1	1600kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04
7	Thang máy Mitsubishi EVN - 3G11 Mitsubishi Elenessa - P14-CO-60MPM-4S/O-P1 E-XW-C5801	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04
8	Thang máy Mitsubishi EVN - 2G21 Mitsubishi Elenessa - P14-CO-60MPM-4S/O-P2 E-XW-C5802	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04

9	Thang máy Mitsubishi EVN - 3152 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P13 E-XW-C5813	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
10	Thang máy Mitsubishi EVN - 3141 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-3S/O-P18 E-XW-C5818	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 03
11	Thang máy Mitsubishi EVN - 2142 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-3S/O-P19 E-XW-C5819	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 03
12	Thang máy Mitsubishi EVN - 3171 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P16 E-XW-C5816	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
13	Thang máy Mitsubishi EVN - 3172 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P17 E-XW-C5817	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
14	Thang máy Mitsubishi EVN - 2143 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-3S/O-P14 E-XW-C5814	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 03
15	Thang máy Mitsubishi EVN - 2131 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P10 E-XW-C5810	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
16	Thang máy Mitsubishi EVN - 2132 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P12 E-XW-C5812	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
17	Thang máy Mitsubishi EVN - 3G12 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P20 E-XW-C5901	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
18	Thang cuốn Mitsubishi ESN- 3G51 AS-LEJ 1200/E18 S-XW-	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 10,5m (2→G)

	C58G6			
19	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2G41 JS-SE1200/E5 S-XW-C58G5	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 6,1m (G→1)
20	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3G12 JS-SE1200/E2 S-XW-C58G2	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 5,4m (1→G)
21	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2G22 JS-SE1200/E4 S-XW-C58G4	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 5,4m (1→G)
22	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3G11 JS-SE1200/E1 S-XW-C58G1	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 5,4m (G→1)
23	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2G21 JS-SE1200/E3 S-XW-C58G3	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 5,4m (G→1)
24	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3171 JS-SE1200/E13 S-XW-C58F8	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→1)
25	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3161 JS-SE1200/E12 S-XW-C58F7	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→1)
26	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3151 JS-SE1200/E11 S-XW-C58F6	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→1)
27	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2142 JS-SE1200/E10 S-XW-C58F5	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→1)
28	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2131 JS-SE1200/E8 S-XW-C58F3	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→1)
29	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3141 JS-SE1200/E9 S-XW-C58F4	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (1→2)
30	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3111 JS-SE1200/E6 S-XW-C58F1	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (1→2)
31	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2121 JS-SE1200/E7 S-XW-C58F2	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (1→2)
32	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2241 JS-SE1200/E16 S-XW-C58S3	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→3)
33	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3242 JS-SE1200/E17 S-XW-C58S4	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,5m (3→2)
34	Thang cuốn Mitsubishi ESN-3211 JS-SE1200/E14 S-XW-C58S1	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→3)

35	Thang cuốn Mitsubishi ESN-2221 JS-SE1200/E15 S-XW-C58S2	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (2→3)
36	Thang đi bộ Schindler MSN - 2131 9500/MS131 SC60059	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
37	Thang đi bộ Schindler MSN - 2141 9500/MS141 SC60060	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
38	Thang đi bộ Schindler MSN - 3151 9500/MS151 SC60061	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
39	Thang đi bộ Schindler MSN - 3161 9500/MS161 SC60062	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở

40	Thang đi bộ Schindler MSN - 3261 9500/MS261 SC60066	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
41	Thang đi bộ Schindler MSN - 3171 9500/MS271 SC60063	Cái	1	Bề rộng lan can: 19.2m; độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
42	Thang đi bộ Fujitec MSN - 293 Fujitec/ GS 8100-S1000/48850 LAF 1703	Cái	1	độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
43	Thang đi bộ Fujitec MSN - 197 Fujitec/ GS 8100-S1000/61107 LAF 1704	Cái	1	độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
44	Thang đi bộ Fujitec MSN - 193 Fujitec/ GS 8100-S1000/57424 LAF 1702	Cái	1	độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở

45	Thang đi bộ Fujitec MSN - 231 Fujitec/ GS 8100-S1000/43125 LAF 1701	Cái	1	độ nghiêng: 0 độ; 12000 người/giờ; 40m/phút; có trang bị hệ thống báo động khi đi ngược chiều; có thể đảo chiều bằng chìa khóa; có hệ thống tự động tắt mở
46	Thang cuốn Mitsubishi E1 MITSUBISHI/ JS-SE 1200	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; độ cao nâng: 4,2m
47	Thang máy Mitsubishi EVN - 194 Mitsubishi Nexiez-MRL - P14- CO-60MPM-2S/O E-Y7-H7003	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
48	Thang máy Mitsubishi EVN - G45 Mitsubishi Nexiez-MRL - P21- 2S-60MPM-2S/O E-Y7-H7001	Cái	1	1600kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
49	Thang máy Mitsubishi EVN - G91 Mitsubishi Nexiez-MRL - P14- CO-60MPM-3S/O(1D-2G) (NY- 30C) E-Y7-H7002	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 03
50	Thang cuốn Mitsubishi ESN-192 S1000ZJ-SE30 S-Y7-H70E1	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (1→2)
51	Thang cuốn Mitsubishi ESN-196 S1000ZJ-SE30 S-Y7-H70E2	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 4,3m (1→2)
52	Thang cuốn Mitsubishi ESN-G93 S1000ZJ-SE30 S-Y7-H70E3	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 6,3m (1→F)
53	Thang cuốn Mitsubishi ESN-G94 S1000ZJ-SE30 S-Y7-H70E4	Cái	1	9000 người/giờ; 0,5m/s; nâng cao 6,3m (F→1)
54	Pa lăng Xích tay	Cái	1	- Tải trọng 1000kg
55	Pa lăng điện	Cái	1	- Tải trọng 800kg
56	Thang máy Mitsubishi EVN - 3G52 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-4S/O-P5 E-XW-C5805	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 04

57	Thang máy Mitsubishi EVN - 3161 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P15 E-XW-C5815	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
58	Thang máy Mitsubishi EVN - 3151 Mitsubishi Elenessa - P14- CO-60MPM-2S/O-P11 E-XW-C5811	Cái	1	1050kg; 1,0m/s; số điểm dừng: 02
59	Chai Nitơ	chai	1	Xuất xứ: Trung Quốc Thể tích: 40 lít Áp suất làm việc: 120 bar Môi chất: Nitơ